

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TUY PHƯỚC  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**Bản án số: 125/2021/HNGĐ-ST**

**Ngày: 21/5/2021**

*V/v “Ly hôn và tranh chấp  
quyền nuôi con chung khi ly hôn”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Duy Minh

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Minh Thâm;
2. Ông Cao Văn Dũng.

**- *Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Duy Linh, là thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 309/2020/TLST- HNGĐ, ngày 04 tháng 11 năm 2020, về việc “*Ly hôn và tranh chấp quyền nuôi con chung khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 444/2021/QĐXX-HNGĐ, ngày 15/4/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 549/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 05/5/2021, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1998 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn An Hòa 2, xã Phước An, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

*Bị đơn:* Anh Trần Quang T, sinh năm 1992 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Tuấn Lễ, xã Phước Hiệp, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* Tại đơn khởi kiện, tại bản tự khai, tại biên bản hòa giải và tại phiên Tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh N trình bày: Chị và anh Trần Quang T là vợ chồng với nhau, trước khi kết hôn chị và anh T có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 02 năm rồi tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã PH vào ngày 19/12/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống chung với cha mẹ chị ở xã PA; anh T làm thợ hồ, còn chị ở nhà nội trợ. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 6 năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T không lo làm ăn, thường xuyên chơi cờ bạc và không lo cho gia đình, nên vợ chồng xảy ra cãi vã nhau. Đến tháng 7 năm 2018 thì anh T bỏ về nhà cha mẹ đẻ anh T ở xã PH ở. Sau khi được gia đình hòa giải thì đến tháng 4 năm 2019

anh T quay về sống lại với chị, nhưng được một thời gian ngắn thì anh T lại tiếp tục ăn chơi và cờ bạc nên vợ chồng lại cãi vã nhau. Do đó, đến tháng 11 năm 2019 anh T lại bỏ về nhà cha mẹ để ở cho đến nay. Từ khi ly thân đến nay anh T không hề liên lạc, hay quan tâm gì đến chị và chị cũng không còn tình cảm gì với anh T. Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung tên Trần Nguyễn Phúc K, sinh ngày 23/4/2018 và Trần Nguyễn Lan C, sinh ngày 26/5/2020, hiện tại 02 con đang ở với chị. Nếu Tòa án cho vợ chồng chị ly hôn, chị yêu cầu nuôi hết hai con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi hai con chung 3.000.000đ/ tháng.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Đối với bị đơn anh Trần Quang T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng anh T vẫn vắng mặt nên Tòa tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

\* Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- *Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng:* Từ khi thụ lý đơn khởi kiện đến tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử, nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn anh Trần Quang T không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự, Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị Thanh N ly hôn với anh Trần Quang T. Về con chung giao hai cháu Trần Nguyễn Phúc K, sinh ngày 23/4/2018 và Trần Nguyễn Lan C, sinh ngày 26/5/2020 cho chị N nuôi và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi hai con 3.000.000đ/01 tháng.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thanh N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Quang T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án này có bị đơn đang cư trú tại huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định, nên theo qui định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

Bị đơn anh Trần Quang T đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng từ chối đến Tòa nên, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về hôn nhân:* Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh N, Hội đồng xét xử thấy rằng, căn cứ lời khai của nguyên đơn, các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án xác định, chị Nguyễn Thị Thanh N và anh Trần Quang T tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại

UBND xã PH vào năm 2017, là hôn nhân hợp pháp qui định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Sau khi kết hôn vợ chồng chị N, anh T sống chung với cha mẹ chị N tại thôn xã PA. Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị N anh T sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T không lo làm ăn mà ham chơi cờ bạc, bỏ bê gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, dẫn đến vợ chồng ly thân nhau vào tháng 7 năm 2018. Sau khi ly thân, chị N, anh T được gia đình hai bên hòa giải nên đến tháng 4 năm 2019 chị N, anh T quay về sống chung với nhau, nhưng sau đó lại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, nên đến tháng 11 năm 2019 anh T và chị N ly thân nhau cho đến nay. Từ ngày ly thân đến nay chị N và anh T không còn liên lạc hay quan tâm gì đến nhau, chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh T không còn. Do đó, chị N yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị N, cho chị N được ly hôn với anh T là phù hợp với qui định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Vợ chồng chị N, anh T có 02 con chung tên Trần Nguyễn Phúc K, sinh ngày 23/4/2018 và Trần Nguyễn Lan C, sinh ngày 26/5/2020, sức khỏe các cháu bình thường.

Xét yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh N yêu cầu được nuôi hết hai con chung, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện nay hai cháu K và cháu C còn nhỏ, cần có sự chăm sóc hàng ngày của mẹ và từ khi vợ chồng chị N và anh T ly thân nhau, thì cả hai cháu đều ở với chị N và do chị N chăm sóc nuôi dưỡng. Mặt khác, dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T, nhưng anh T từ chối đến Tòa và cũng không có yêu cầu gì về nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị N, giao hết hai con chung cho chị N nuôi. Chị N yêu cầu cấp dưỡng nuôi hai cháu K và cháu C mỗi tháng 3.000.000đ là phù hợp với chi phí nuôi con tại địa phương hiện nay, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị N và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa không xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh N phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51, 56, 80, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 6, 7, 9 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh N. Cho chị N ly hôn với anh Trần Quang T.

2. Về con chung: Giao hai con chung tên Trần Nguyễn Phúc K, sinh ngày 23/4/2018 và Trần Nguyễn Lan C, sinh ngày 26/5/2020 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 3.000.000đ, thời gian kể từ tháng 6 năm 2021 cho đến khi thứ tự các con đủ 18 tuổi. hiện nay hai cháu K và C đang ở với chị N.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như việc cấp dưỡng nuôi con theo qui định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Thanh N và anh Trần Quang T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa không xét.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thanh N phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000854, ngày 04/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phước. Chị N đã nộp xong.

Anh Trần Quang T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Phòng GD&ĐT TAND Tỉnh BD
- Các bên đương sự
- VKS Tuy Phước
- THA Tuy Phước
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Võ Duy Minh**

**CÁC HỘI THẨM**

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Minh Thâm – Cao Văn Dũng**

**Võ Duy Minh**

**CÁC HỘI THẨM**

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Tuyết Mai – Nguyễn Vĩnh Mậu**

**Võ Duy Minh**